

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2023/DS-ST

Ngày: 28/12/2023.

V/v: “*Tranh chấp đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Bùi Tân Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoài Khanh
2. Bà Chung Kim Sang.

Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham dự phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lục Thanh Ng**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 02 L T S, phường V H, TP. R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị H, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 18D B T, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2023). (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Võ Hoàng Nh**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 17 Đ L, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án dân sự đề ngày 16/02/2023 và trong quá trình tố tụng, bà Dương Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lục Thanh Ng trình bày: Bà Ng và ông Nh quen biết nhau do có mối quan hệ làm ăn qua lại với nhau. Vào năm 2017 ông Võ Hoàng Nh có vay của bà Ng số tiền gốc là 450.000.000

đồng; việc vay hai bên có làm biên nhận ghi ngày 01/9/2017, do ông Nh tự lập, tự ký tên, ghi họ tên; hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 3%/tháng và cam kết trong thời gian 06 tháng sẽ trả cho bà Ng. Đến hạn, nhiều lần bà Ng yêu cầu, nhưng ông Nh chỉ hứa hẹn với lý do ông Nh vay tiền của bà Ng để cho bạn của ông Nh vay lại nhưng bạn của ông đã bỏ trốn. Lúc đó, bà Ng thấy ông Nh ở nhà thuê, hoàn cảnh cũng khó khăn nên bà Ng không tiến hành khởi kiện. Hiện tại, ông Nh đã có điều kiện trả nợ nhưng không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, bà Ng khởi kiện ông Nh đến Tòa án thành phố R G.

** Bị đơn ông Võ Hoàng Nh trình bày:* Ông Nh thừa nhận có ghi Giấy mượn tiền, với nội dung có mượn của bà Ng số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2017 là đúng. Giấy mượn tiền ghi ngày 01/9/2017 là do ông Nh tự viết, tự ký tên và ghi họ tên để xác nhận với bà Ng. Ông Nh xác định diễn biến liên quan đến số tiền trên như sau: Thời điểm năm 2017 bạn của ông là ông Phan Trường G hỏi vay tiền của ông Nh số tiền 450 triệu đồng để đáo hạn Ngân hàng, do ông Nh không có tiền nên ông Nh mới liên hệ với bà Ng cho ông Giang vay tiền, bà Ng đồng ý. Tuy nhiên, do bà Ng không quen biết với ông Giang nên ông Nh đứng ra nhận tiền của bà Ng 02 lần (01 lần 350 triệu và 01 lần 100 triệu) tổng cộng số tiền 450 triệu đồng, sau đó đưa cho ông Phan Trường G vay số tiền 450 triệu đồng (các lần ông Nh nhận tiền của bà Ng thì không có mặt ông Giang). Ngay khi nhận tiền của bà Ng thì ông Nh đã đưa cho Phan Trường G. Tuy nhiên, do thời điểm này bà Ng không có quen biết trước với ông Giang nên bà Ng mới yêu cầu ông Nh viết biên nhận với bà Ng để làm tin. Sau này, khi đến hạn thanh toán ông Phan Trường G không có tiền trả thì ông Nh và bà Ng đã nhiều lần đến tận nhà của ông Giang ở Giồng Riềng để đòi tiền, nhưng không đòi được. Sau đó, ông Nh đã làm đơn tố giác tội phạm về hành vi của ông Giang đến Công an thành phố R G. Kết quả Công an thành phố R G chuyển vụ án sang trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự. Sau đó, ông Giang có đến gặp bà Ng viết giấy nhận nợ số tiền 450 triệu đồng và xin cho Giang thêm thời gian để kiếm tiền trả (nội dung trên ông Nh xác nhận chỉ trình bày miệng mà không có chứng cứ chứng minh). Tuy nhiên, đến nay ông Giang vẫn chưa thanh toán lại cho ông Nh và bà Ng.

Ông Nh xác nhận có nhận của bà Ng 02 lần tổng cộng số tiền là 450 triệu đồng nhưng không phải là ông Nh vay tiền của bà Ng mà ông chỉ là người đại diện cho bà Ng, nhận tiền của bà Ng để cho ông Giang vay. Do đó, bà Ng khởi kiện ông Nh là không đúng. Ông Nh không đồng ý trả cho bà Ng số tiền 450.000.000 đồng. Ngoài

ra, sự việc diễn ra từ năm 2017 (tính từ thời điểm theo Giấy nhận nợ) đến thời điểm bà Ng khởi kiện là đã xảy ra hơn 05 năm 09 tháng. Đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà H là người đại diện cho nguyên đơn bà Lục Thanh Ng yêu cầu: Tại đơn khởi kiện ngày 16/02/2023, nguyên đơn bà Ng yêu cầu ông Nh phải trả số tiền gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định yêu cầu khởi kiện cuối cùng là chỉ yêu cầu ông Nh hoàn trả số tiền gốc đã nhận là 450.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà Ng không có yêu cầu nào khác.

Đối với các nội dung mà bị đơn ông Nh trình bày thì phía bà Ng không đồng ý, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho ông Nh và bà Ng đối chất rõ các vấn đề trên. Đề nghị, ông Nh cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung đã trình bày. Bà H xác định số tiền nêu trên là do cá nhân ông Nh vay của bà Ng, không liên quan đến cá nhân nào khác. Do đó, bà Ng chỉ yêu cầu cá nhân ông Võ Hoàng Nh có trách nhiệm trả nợ mà không yêu cầu cá nhân nào khác cùng liên đới trả nợ.

Đối với đề nghị của ông Nh, đề nghị mỗi người chịu 50% thiệt hại. Có nghĩa là ông Nh sẽ trả cho bà Ng 50% của số tiền 450 triệu là 225.000.000 đồng, phương thức thanh toán là quy đổi bằng tài sản. Bà Ng không đồng ý và yêu cầu ông Nh phải trả toàn bộ số tiền 450 triệu đồng tiền gốc.

Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của ông Nh là không có cơ sở, vì bà Ng chỉ yêu cầu ông Nh trả tiền gốc nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nh yêu cầu: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng thì ông Nh không đồng ý.

Ông Nh yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và Đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông Nh đưa ra phương án giải quyết tranh chấp như sau: Ông Nh chịu 50% thiệt hại và bà Ng sẽ chịu 50% thiệt hại. Có nghĩa là ông Nh sẽ trả cho bà Ng 50% của số tiền 450 triệu là 225.000.000 đồng, phương thức thanh toán là quy đổi bằng tài sản.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án thụ lý ngày 10/5/2023 đến ngày

11/10/2023 mới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về **thời hạn chuẩn bị xét xử** vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, **thư ký phiên tòa**: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, các bước tiến hành thủ tục phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo tính khách quan của vụ án.

Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nh phải trả cho bà Ng số tiền 450.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Ng yêu cầu bị đơn ông Nh phải trả số tiền gốc đã nhận là 450.000.000 đồng. Căn cứ **khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp giữa các bên được xác định là: “Tranh chấp đòi tài sản”. Bị đơn ông Nh có địa chỉ cư trú tại: Số 17 Định Liệt, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về phạm vi khởi kiện:* Tại đơn khởi kiện ngày 16/02/2023, nguyên đơn bà Ng yêu cầu ông Nh phải trả số tiền gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ng xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định yêu cầu khởi kiện cuối cùng là chỉ yêu cầu ông Nh hoàn trả số tiền gốc đã nhận là 450.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Ng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thanh Ng.

Trong vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Quá trình tố tụng bị đơn ông Nh có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,* Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn bà Ng yêu cầu bị đơn ông Nh phải trả số tiền gốc 450.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, việc ông Nh vay tiền của bà Ng, các bên có lập biên nhận với tiêu đề là “Giấy mượn tiền” ghi ngày 01/9/2017, do ông Nh tự viết, tự ký tên và ghi họ tên để

xác nhận với bà Ng. Tại phiên tòa ông Nh cho rằng số tiền 450 triệu đồng là số tiền mà ông chỉ là người đại diện cho bà Ng đưa cho ông Phan Trường G vay để hưởng lãi suất chênh lệch, do bà Ng không biết ông Giang nên yêu cầu ông Nh viết biên nhận để làm tin, chứ không phải ông Nh vay tiền của bà Ng. Về các nội dung nêu trên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cho ông Nh và Ngọc đối chất với nhau, tại buổi đối chất, bà Ng xác nhận số tiền 450 triệu đồng là tiền ông Nh vay của bà Ng, không liên quan đến cá nhân nào khác; ông Nh là người trực tiếp nhận tiền, khi đó không có mặt ông Phan Trường G và bà Ng cũng không biết ông Giang là ai; bà Ng chỉ nghe ông Nh nói mục đích vay tiền là để cho bạn của ông là ông Giang vay để đáo hạn Ngân hàng. Sau này khi bà Ng yêu cầu ông Nh trả tiền nhưng ông Nh không có tiền trả và nói số tiền trên ông Nh cho ông Giang vay lại; với mong muốn nhanh chóng lấy lại số tiền vay nên bà Ng có cùng ông Nh đến trực tiếp nhà ông Giang để đòi tiền nhưng ông Giang đã bỏ trốn nên không đòi được, do đó, bà Ng mới khởi kiện ông Nh đến Tòa án.

Thấy rằng, các nội dung mà ông Nh trình bày, thì ông chỉ trình bày miệng mà không xuất trình được chứng cứ để chứng minh. Đồng thời, các nội dung mà ông Nh trình bày có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất với nhau, cụ thể: Tại bản tường trình ngày 12/06/2023 và phiên hòa giải ngày 13/7/2023 ông Nh cho rằng số tiền 450 triệu nêu trên là số tiền mà ông cùng bà Ng góp vốn lại để cho ông Phan Trường G vay; tuy nhiên, tại buổi đối chất ngày 13/9/2023 và tại phiên tòa ông Nh cho rằng số tiền 450 triệu đồng là bà Ng đưa cho ông Nh để ông Nh đưa cho ông Giang làm đáo hạn Ngân hàng và bà Ng cho ông Nh hưởng phần trăm chênh lệch lãi suất. Tại đơn tố giác mà ông Nh gửi các cơ quan có thẩm quyền ghi ngày 22/9/2017, đây là tài liệu thể hiện rõ ràng, cụ thể những diễn biến thực tế đã xảy ra liên quan đến số tiền nêu trên, tại văn bản này ông Nh đã xác định rõ ông Phan Trường G đã vay của ông Nh số tiền 450 triệu đồng, nhưng ông Giang đã lợi dụng lòng tin, sự tin tưởng của ông, đã có những hành vi gian dối, tạo ra các chứng cứ giả, tình huống giả nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 450 triệu đồng đã vay và đề nghị xem xét, xử lý ông Phan Trường G theo quy định của pháp luật. Các nội dung mà ông Nh trình bày trong Đơn tố giác nêu trên hoàn toàn không có nội dung nào thể hiện ông và bà Ng cùng cho ông Giang vay hay ông chỉ là người đại diện bà Ng giao cho ông Giang số tiền này và ông chỉ hưởng hoa hồng, không phải là tiền ông vay của bà Ng. Tại biên nhận là Giấy mượn tiền ngày 01/9/2017 thể hiện rõ nội dung: *“Tôi: Võ Hoàng Nh có mượn của chị Lục Thanh Ng số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn)”*.

Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*,

trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Nh xác nhận chỉ trình bày miệng mà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh rằng số tiền 450 triệu đồng không phải là tiền mà ông vay của bà Ng. Do đó, toàn bộ nội dung trình bày của ông Nh là không có căn cứ để xem xét, chấp nhận. Qua đó, có đủ căn cứ, cơ sở để xác định việc bà Ng cho ông Nh vay số tiền 450 triệu đồng theo biên nhận ngày 01/9/2017 là có thật.

Xét thấy, giao dịch vay tiền giữa bà Ng và ông Nh là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên; giao dịch, thỏa thuận mà các bên đã thực hiện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản, ông Nh đã nhận được tiền thì phải có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Trong phần nghị án HĐXX thống nhất buộc ông Nh có nghĩa vụ trả bà Ng số tiền gốc đã nhận là 450.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp. Do tại phiên tòa nguyên đơn bà Ng thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đề nghị của ông Nh đưa ra phương án mỗi người chịu 50% thiệt hại. Có nghĩa là ông Nh sẽ trả cho bà Ng 50% của số tiền 450 triệu, phương thức thanh toán là quy đổi bằng tài sản. Đề nghị trên không được phía nguyên đơn bà Ng đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5] Đối với giao dịch giữa ông Võ Hoàng Nh và ông Phan Trường G nếu các bên có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] Đối với yêu cầu của ông Nh, yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và đình chỉ vụ án. Xét thấy, giao dịch vay tiền mà các bên thực hiện được xác lập vào ngày 01/9/2017 đến thời điểm khởi kiện là hơn 05 năm. Theo quy định Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Căn cứ quy định nêu trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết. Tuy nhiên, bà Ng yêu cầu ông Nh trả lại số tiền gốc 450 triệu đồng đã nhận, yêu cầu của bà Ng được xác định là yêu cầu đòi lại tài sản. Theo quy định Điều 155 của Bộ luật dân sự và tại điểm 2, 3 Mục III Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn: *“... đối với các tranh chấp về quyền sở hữu, đòi lại tài sản thì Tòa án không áp dụng thời hiệu không phụ thuộc vào việc một bên hoặc các bên có hay không có yêu cầu áp dụng thời hiệu”*. Theo hướng dẫn nêu trên thì bà Ng có quyền khởi kiện ông Nh yêu cầu đòi lại tài sản (nợ gốc) và Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc hay không. Do đó, yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và Đình chỉ giải quyết vụ án của ông Nh là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn ông Nh phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Ng là 450.000.000 đồng, được tính như sau: 400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng; Phần vượt 400 triệu là 50.000.000 đồng x 4% = 2.000.000 đồng. Tổng cộng án phí là 22.000.000 đồng. Như vậy, ông Nh phải nộp án phí số tiền là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

+ Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Ng số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007360, ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 155, Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 357 của Bộ luật dân sự; Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thanh Ng đối với bị đơn ông Võ Hoàng Nh, về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

2. Buộc ông Võ Hoàng Nh phải trả cho bà Lục Thanh Ng số tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bị đơn ông Võ Hoàng Nh phải nộp án phí số tiền là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

+ Hoàn trả lại cho bà Lục Thanh Ng số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007360, ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa